

Trường Chinh

VẤN ĐỀ DÂN CÀY



Nhà xuất bản Thép Đỏ

VÔ SẢN TOÀN CẦU, ĐẠI ĐOÀN KẾT!

WORKERS OF THE WORLD, UNITE!

全世界无产者，大团结起来！

ПРОЛЕТАРИИ ВСЕХ СТРАН, СОЕДИНЯЙТЕСЬ!

يا عمال العالم اتحدوا



TRƯỜNG CHINH

**“Học ở trường, học ở sách vở,
học lẫn nhau và học nhân dân”**

**Kính mong được cùng các đồng chí chung tay
xây dựng văn hóa đọc!**

Liên hệ: dongtienmarxist@gmail.com

Trường Chinh

VẤN ĐỀ DÂN CÀY

Nhà xuất bản Thép Đỏ

2025

LỜI MỞ ĐẦU

Lịch sử nhân loại từ trước tới nay không tách rời khỏi lao động sản xuất. Nông dân, người bạn đồng minh của giai cấp vô sản, đã cùng giai cấp ấy tiên phong cải tạo và khai phá thiên nhiên. Vì lẽ ấy nên nông dân chính là lớp người cùng với những người vô sản dẫn đầu ngọn hồng kỳ tiến lên xây dựng CNXH.

Còn trong con mắt của bọn quan lại phong kiến, bọn cường hào địa chủ cùng lũ thực dân, tư sản, đế quốc chúng ôm khư cái tư duy rằng dân cày là hạng bần hèn, thấp cổ, là hạng để chúng ra sức đè cưỡi bóc lột.

“Vấn đề dân cày” ra đời trong bối cảnh quần chúng nông dân đứng lên tranh đấu, biểu tình, để rồi bị tù đầy và đàn áp dã man. Nó không chỉ là lời bênh vực cho quần chúng lao khổ đang bị xiềng xích gông cùm, mà còn mong muốn đập tan cái xiềng xích đó đi.

Nông dân vốn chịu thương, chịu khó, mong cầu yên ổn, song chịu khổ mãi, chịu áp bức mãi cũng sẽ đứng lên mà đấu tranh. Nông dân cũng vì sự phân hóa sâu sắc trong chế độ lao động, mà đặc điểm, tính chất cũng không thuần nhất so với công nhân. Làm cho sáng rõ vấn đề này chính là điều kiện tiên quyết để đưa cuộc cách mạng dân chủ nhân dân đương thời đến chỗ thắng lợi.

NXB Thép Đỏ

CHƯƠNG I

TẠI SAO PHẢI BÀN ĐẾN VẤN ĐỀ DÂN CÀY

VẤN ĐỀ DÂN CÀY ĐÁNG CHO TA CHÚ Ý

Ở nước ta, bọn quan lại, quý tộc thường khinh miệt dân cày, cho là một hạng “thấp cổ, bé miệng”. Bọn địa chủ thì cho dân cày là một hạng “ăn no, vác nặng” chỉ tốt cho họ bóc lột. Đối với bọn tư bản thì dân cày là một hạng nhà quê, ngờ nghệch, ngu xuẩn, không đáng cho người ta đếm xỉa đến.

Chúng nhảy đầm, ăn tiệc nhờ mồ hôi, nước mắt của dân cày, tranh thịt, tranh xôi trên lưng dân cày, mà vô tình hoặc cố ý quên rằng ở xứ Đông Dương này dân cày là một hạng cần lao khổ cực, làm ra một hột thóc nuôi sống cho hàng hơn hai mươi triệu người.

Chúng quên rằng một xứ nông nghiệp như Đông dương dân cày chiếm 90% trong dân số, 90% ấy suốt ngày, đầu tắt mặt tối ở ngoài đồng để cho một số ít người no nê, phê phỡn một cách hỗn xược trước cảnh làm than đói rách của quần chúng.

Cái hạng người đen đui, chất phác kia chịu khổ là vì không hiểu bởi đâu mình khổ. Họ đành cầu Trời, khẩn Phật, mong cho con cháu sau này đỡ phải điều

linh. Gặp nắng hạn thì họ té lễ cầu mưa; gặp đói kém thì ăn nhảm ăn nhí cho đầy dạ dày, không may dịch tả thì họ cúng Quan ôn; bị bóc lột trăm đường, làm ăn sa sút thì họ đi cất mồi để mả, cầu khẩn ông vãi; hơn nữa, họ đi kiện quan, mặc sức cho bọn quan lại, thầy dùi đục khoét.

Nhưng mỗi khi không thể nào chịu nổi, họ liền tỉnh giấc, nhìn vào thực tế thì bao nhiêu sự mơ màng dẹp lại mà nhường chỗ cho sự phẫn uất. Lúc đó họ nhảy lên trường chiến đấu, quyết sống mái với những kẻ bóc lột mình, cho hả giận. Họ say máu đấu tranh, hình như nghĩ cứu mình không được thì chết!

Ấy chính cái tinh thần đấu tranh, phẫn uất, hy sinh đó đã giúp cho cuộc tiến hóa của dân tộc.

Lê Lợi đã dùng nó mà giải phóng cho giống nòi; Quang Trung đã dùng nó để bình quân Sĩ Nghị; Hoàng Hoa Thám đã dùng nó để khởi nghĩa ở Yên Thế; nó đã làm nền tảng cho phong trào Nghệ Tĩnh đỏ năm 1930 – 1931. Nó đã dự một phần quan trọng trong cuộc cách mạng đánh đổ phong kiến năm 1789 ở Pháp; nó đi đôi với tinh thần vô sản mà cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Nga (1917) thành công.

Vấn đề dân cày đáng cho ta chú ý.

CHƯƠNG II

DÂN CÀY LÀ HẠNG NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Trước khi đi thẳng vào vấn đề dân cày, chúng ta phải định tính chất giai cấp của dân cày, địa vị dân cày trong xã hội hiện tại, thái độ và xu hướng của dân cày. Xét như thế để khỏi có những điều ngộ nhận về dân cày và tránh những chủ trương sai lầm đối với một hạng người khá quan trọng ấy.

ĐỊA VỊ GIAI CẤP CỦA DÂN CÀY

Ta thường nghe thấy nói “sĩ, nông, công, thương”. Đó là câu phân biệt từng hạng người theo cái óc “tôn ti trật tự” của thời phong kiến, chứ không phải một câu phân biệt giai cấp. Thật ra dân cày thuộc về giai cấp tiểu tư sản ở nông thôn, nghĩa là một hạng người có ít công cụ sản xuất để làm mà nuôi sống lấy mình. Dân cày nói chung không phải thuộc về giai cấp vô sản, vì dân cày nói chung còn có ít nhiều ruộng đất, cày bừa, trâu bừa, nhà cửa, vườn tược, v.v.. Còn thợ thuyền chỉ có hai bàn tay trắng, bán sức lao động cho tư bản mà sống, mới thật là vô sản.

Dân cày cũng không phải là người tư sản, vì dân cày tự mình làm nuôi sống cho mình; chứ không ngồi

đầy mà bóc lột sức lao động của thợ thuyền như bọn chủ xưởng. Dân cày là giai cấp đứng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Dân cày chia ra làm nhiều lớp khác nhau:

a. *Cổ nông* là lớp dân cày không có mảnh đất cắm dùi, không có trâu bò, cày bừa chi tiết, quanh năm phải đi làm thuê, làm mướn cho địa chủ, phú nông; bị bóc lột thậm tệ và rất nghèo khổ.

b. *Bần nông* là lớp dân cày nghèo, có ít ruộng, không đủ nuôi sống cho mình, phải đi làm thuê, cấy rẽ cho nhà giàu. Hạng này cày cho mình ít mà đi làm thuê cho người nhiều.

c. *Trung nông* là lớp dân cày trung bình; họ có ruộng đủ để cày cấy lấy mà sống, không phải cho thuê mà nói chung không phải mướn thợ cày.

d. *Phú nông* là lớp dân cày giàu, có thừa ruộng đất, tự mình và vợ con mình cày cấy lấy một phần, còn một phần không cày cấy được phải mướn người làm hoặc cho cấy rẽ. Như thế là phú nông cũng bóc lột sức lao động của những người cày thuê, cấy mướn.

Cổ nông chính là vô sản ở thôn quê. Hạng canh điền, lực điền ở các làng Bắc Kỳ, điền tốt ở các ấp, thợ cày ở các đồn điền, chính là cổ nông. Ở thôn quê, cổ nông hăng hái muốn đổi mới nhất, rồi đến bần nông.

Trong các hạng người nói trên, tại một vài vùng ở nước ta còn một số người gọi là thợ làm mùa, ngày mùa bỏ nhà máy hoặc mỏ về đồng ruộng làm, ngày dừng lại bỏ đồng ruộng vào nhà máy và mỏ, và một số nữa gọi là nửa công nửa nông, vừa làm nhà máy vừa làm ruộng. Hạng này thường ở các làng xung quanh thành phố¹.

Tá điền là dân cày không có ruộng, hoặc có ít, không đủ sống, phải mượn ruộng của địa chủ cày cấy. *Quá điền* là hạng mượn ruộng của địa chủ đem cho người khác mượn lại, đứng giữa lấy lời. Ruộng của địa chủ chỉ qua tay họ xuống tay tá điền, họ chịu trách nhiệm với địa chủ, đến mùa phải thu địa tô ở tay tá điền, rồi chõng thóc hoặc chõng tiền cho địa chủ. Bọn quản ấp tức là quá điền. Ở Bắc Kỳ có nhiều địa chủ nhỏ vay nợ của địa chủ lớn phải nợ ruộng cho chủ nợ, đến mùa chõng thóc cho chủ nợ. Bọn địa chủ nhỏ này biến thành quá điền.

Bên trên phú nông có giai cấp địa chủ. Bọn này có ruộng cho cấy rẽ, ngồi không thu lợi, không hề mó tới cái cày. Họ hoàn toàn sống về sự bóc lột sức lao động của nông dân.

Ở Đông Dương có một bọn địa chủ, phần nhiều là người Pháp, có đồn điền, dùng máy móc trong nghề

¹ Ví dụ, một số công nhân nhà máy sợi Nam Định làm theo cách này. Vì họ làm theo kíp cho nên họ vẫn có thể tham gia công việc đồng áng một phần nào.

làm ruộng, tổ chức đồn điền của mình như một xí nghiệp trong đó thợ cày làm có giờ, chia thành từng kíp, mỗi kíp là một loại công việc, đến kỳ tiền phát lương cho thợ. Bọn chủ đồn điền này gọi là địa chủ tư bản (propriétaires capitalistes). Họ tuy là địa chủ, song cách bóc lột hết như tư bản.

Ta xem trên đây thì biết: các lớp dân cày khác nhau là ở địa vị của họ trong công việc sản xuất khác nhau, chứ không nhất định bởi họ giàu nghèo khác nhau. Tên Ba có 5 mẫu ruộng, đến mùa cứ chiếu hai cây ăn một mà lấy, là một địa chủ trăm phần trăm. Trái lại, tên Hai có 10 mẫu, tự mình làm lấy một phần, còn một phần thuê người làm, là một phú nông chứ không phải địa chủ.

Trung nông nghèo và bần, cố nông hơi giống nhau. Những lớp người ấy không bóc lột ai, mà đều bị bọn địa chủ, phú nông bóc lột. Họ khác nhau ở chỗ bần, cố nông ít ruộng hơn trung nông và phải bán sức lao động, làm thuê cho địa chủ, phú nông nhiều hơn trung nông.

VỊ TRÍ DÂN CÀY TRÊN MẢNH ĐẤT

ĐÔNG DƯƠNG

Ở Đông Dương, bọn địa chủ, tập trung và nhiều ruộng nhất ở Nam Kỳ. Người ta nói: “Công tử Bạc

Liêu” tức là con em bọn địa chủ ấy. Họ sinh hoạt như tư sản, mà sự thật một số địa chủ này đã bỏ vốn vào công nghiệp, có cổ phần trong các nhà máy gạo hoặc các nhà máy khác. Trước kia, khi nói đến đồng ruộng mệnh mông của địa chủ, người ta nói: “ruộng thẳng cánh cò bay”, nay đối với ruộng của đại địa chủ Nam Kỳ, câu nói đó không hoàn toàn đúng nữa, vì ruộng của họ phải đi ô tô hàng giờ mới hết.

Ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ có hạng tiểu địa chủ, chỉ có mười, mười lăm mẫu ruộng cho cấy rẽ, ngồi không mà hưởng địa tô. Lại có nhiều làng không có địa chủ, chỉ có từ phú nông trở xuống. Trái lại, bản cổ nông chiếm số đông.

Nếu ta tin ở thống kê của ông I-vơ-Hăng-ri (Yves Henri)² thì ta thấy: ở Bắc Kỳ số dân hơn 8 triệu người, mà số dân quê có trên một mẫu là 970.379 người, nghĩa là một phần hai mươi trong nhân dân. Nếu có từ 5 mẫu trở lên, mới không phải làm thuê, làm mướn cho địa chủ, phú nông, thì ở Bắc Kỳ phần đông dân quê phải bán sức lao động hoặc nhiều hoặc ít. Thật thế, ở thôn quê họa chăng chỉ có địa chủ, phú nông không phải làm thuê, cấy rẽ, còn từ cổ nông đến trung nông ai đã thoát khỏi chế độ bóc lột địa tô, nợ lãi và chế độ bóc lột bằng cách trả tiền công?

Dân cày Đông Dương bị nhiều tầng bóc lột: nào địa chủ bóc lột địa tô, nào sưu cao thuế nặng, nào vay nợ

² Xem I-vơ-Hăng-ri trong Kinh tế nông nghiệp Đông Dương.

lãi, nào phải tiêu dùng hàng công nghiệp một cách đắt đỏ, nào kỳ hào bóp họng. Nạn kinh tế khủng hoảng dằng dai lại càng làm cho dân cày chóng phá sản. Ruộng đất càng chóng tập trung vào tay địa chủ; một số ít phú nông rơi xuống làm bần nông, một số bần nông rơi xuống làm cố nông. Hạng cố nông đông quá, thiếu việc làm, một phần phải bỏ nhà quê ra tỉnh, đi mỏ hoặc đi đồn điền. Phong trào vô sản hóa mỗi ngày một mạnh. Cũng có phú nông nhảy lên làm địa chủ, song đó là số ít, còn bần nông rơi xuống làm cố nông thì rất nhiều. Trong quá trình của kinh tế nông nghiệp, địa vị dân cày bấp bênh hết sức!

KHUYNH HƯỚNG CHUNG CỦA DÂN CÀY

Dân cày thuộc về giai cấp tiểu tư sản tức là một giai cấp đứng giữa hai giai cấp tư sản và vô sản. Quyền lợi của phú nông hơi giống quyền lợi của tư sản, nên họ nghiêng về phía tư sản. Quyền lợi của bần cố nông hơi giống quyền lợi của vô sản, nên họ nghiêng về phía vô sản.

Quyền lợi của các hạng dân cày cũng hơi khác nhau, cho nên tư tưởng của dân cày không hoàn toàn thống nhất; họ thường có thái độ bấp bênh, nhất là trung nông. Xét trong lịch sử ta thấy khi họ đi với giai cấp này, khi họ đi với giai cấp nọ.

Trong cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789), dân cày đi với giai cấp tư sản để lật đổ giai cấp quý tộc phong kiến; đến năm 1793, họ đi với giai cấp công nhân đòi quyền tự do dân chủ, đẩy cuộc cách mạng tư sản ở Pháp tiến lên một bước. Ở Nga, dân cày đi với vô sản, nên cuộc Cách mạng tháng Mười thành công năm 1917. Nhưng ở Ý năm 1925, dân cày đã đi với tội phát xít trong lúc nó cầm quyền. Hiện nay dân cày Nga đang đi đôi với giai cấp công nhân để kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

Tính chất dân cày là như thế. Song dân cày thường chiếm số đông trong nhân dân, dân cày là một lực lượng hậu bị khá mạnh của cách mạng, cho nên phạm một cuộc cải tạo xã hội một cách lớn lao phải có dân cày tham gia mới có kết quả. Công xã Pari (Commune de Paris) không thể đứng vững, một nguyên nhân chính là bởi thợ thuyền cách mạng thành Pari không được dân cày các tỉnh ở Pháp nổi dậy hưởng ứng.

Cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789) và cuộc cách mạng vô sản Nga (1917) thành công một cách vẻ vang, một phần là nhờ ở thái độ cách mạng của dân cày.

Hít-le biết như thế, nên chủ nghĩa phát xít của hắn có hẳn một phần đối với dân cày; hắn có chương trình ruộng đất lương gạt dân cày, cố kéo được dân cày, khiến bọn quốc xã tăng thêm lực lượng.

Lênin rất thận trọng đối với dân cày, cho rằng thợ thuyền và dân cày là hai hạng người sản xuất để nuôi sống cho xã hội, lại bị xã hội tư bản này bạc đãi, bóc lột hơn hết, phải liên minh với nhau. Thợ thuyền muốn cải tạo được xã hội phải kéo dân cày đi đôi với mình trong các thời kỳ cách mạng. vì quyền lợi và thái độ các lớp dân cày có chỗ khác nhau, cho nên Lênin chủ trương cuộc cách mạng xã hội càng tiến lên thì chính sách của thợ thuyền đối với các tầng lớp dân cày cũng theo đó mà biến đổi, không thể lúc nào cũng như lúc nào được. Đó là một vấn đề thuộc về sách lược cách mạng. Chủ nghĩa Lênin còn nói đến vấn đề cách mạng ruộng đất: tịch thu ruộng đất của địa chủ giao cho dân cày và tiến lên một bước nữa, phải xã hội hóa nông nghiệp, nghĩa là tổ chức những hợp tác xã – nông trang tập thể, cấp cày máy, bừa máy cho dân cày, bày cách cho dân cày chung ruộng đất lại, cày chung cây chung, như ở Liên bang Xô-viết hiện nay.

TÍNH CHẤT DÂN CÀY

Sau khi xét khuynh hướng của dân cày, ta hãy xét qua tính chất dân cày.

Thoạt tiên ta nhận thấy dân cày có tính *cần cù lao động*. Quanh năm họ làm ăn vất vả, chân lấm tay bùn, đôi bát mồ hôi lấy bát cơm. Những lúc khó khăn họ thường giúp nhau làm lụng và đỡ đần nhau trong lúc túng thiếu. Nhưng dân cày cũng có óc *tư hữu*. Họ ăn

riêng làm rẽ lâu đời đã quen. Nói đến cách làm ăn tập thể thì họ hoài nghi. Bàn đến góp tiền làm những việc có ích chung, phần nhiều họ không thích. Những tổ chức phổ thông của dân cày Việt Nam có từ lâu đời, như những phường nuôi chung lợn, cấp vốn làm nhà, những tổ chơi họ, hội hiếu hỉ, v.v. đều có tính chất lợi riêng cho từng hội viên hơn là có tính chất xã hội, nghĩa là lợi chung cho cả tổ chức hoặc cho xã hội mà cá nhân cũng có một phần ở đó. Ta chưa thấy dân cày tự động tổ chức được những hội có tính chất thật ích chung như hợp tác xã làm ruộng, hội bài trừ hủ tục, v.v..

Một đặc điểm của dân cày là *óc mê tín*. Dân cày Đông Dương cũng như dân cày các nước, hay mê tín thần quyền. Việc học không được phổ thông trong dân quê làm cho họ không hiểu khoa học. Họ rất ít đọc sách, đọc báo, vì ít biết chữ. Cách ăn làm của họ một phần lớn nhờ thời tiết, nhờ sức tự nhiên, thêm vào đó bao nhiêu áp bức, bóc lột, bao nhiêu thiếu thốn, làm cho họ luôn luôn lo sợ. Tình hình ấy khiến họ dễ tin vào “sức thiêng liêng” của Trời, Phật. Vì thế họ rất hay cầu đảo, rất hay cúng lễ. Bọn thầy cúng, cô đồng, phù thủy, địa lý lợi dụng lòng mê tín của họ xoay xu. Óc mê tín đó làm cho dân cày chậm giác ngộ.

Bên cạnh óc mê tín, dân cày Đông Dương còn *chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến* nữa. Họ vẫn ôm khư khư những quan niệm cũ từ lâu đời: họ thừa nhận thuyết “sang hèn, trên dưới”...

Nhưng mặc dù có những nhược điểm trên đây, dân cày rất đáng cho ta mến phục: khi nào họ được giác ngộ, có tổ chức và có lãnh đạo thì họ có *một sức mạnh quật cường to lớn*. Lúc đó họ sẵn sàng san phẳng những trở lực trên bước đường tiến thủ của họ và của dân tộc. Song tất cả vấn đề là ở chỗ: *giác ngộ, tổ chức và lãnh đạo được dân cày*.

...

Dân cày ăn ở riêng rẽ, không tập trung vào một chỗ như thợ thuyền, cho nên không tự mình trông rõ lực lượng của mình, kém óc xã hội. Cách ăn làm của họ khiến họ khó nhận rõ được trạng thái giai cấp bóc lột trong xã hội. Ở nhà quê đường giao thông ít mở mang, sách báo hiếm, cho nên óc mê tín và những thành kiến còn nhiều. Dân cày chia làm nhiều lớp, không phải là một giai cấp thuần nhất như giai cấp công nhân, vì vậy tư tưởng cũng không được thống nhất. Đó là những cái không lợi cho dân cày. Trái lại, dân cày chiếm đại đa số trong nhân dân, lại bị nhiều tầng áp bức bóc lột, cho nên dân cày có một sức mạnh tiềm tàng, đáng chú ý và đáng khâm phục. Chúng ta phải thấy hết ưu điểm và nhược điểm của dân cày, nhưng tuyệt đối không được coi thường dân cày.

Qua Ninh và Vân Đình

(tức Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp)

1959

